

NHẬP KHẨU: THỰC TIỄN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH ĐANG ĐẶT RA

HOÀNG THỌ XUÂN* - DOÃN CÔNG KHÁNH**

Nền thương mại thế giới hiện đang vận động trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra rất nhanh chóng, sâu sắc. Ranh giới giữa khái niệm thị trường trong nước với thị trường nước ngoài đang bị lu mờ dần. Các chiến lược phát triển hướng vào xuất khẩu hay xuất khẩu thay thế nhập khẩu không còn giữ nguyên ý nghĩa cổ điển của nó nữa, bởi vì thị trường của mỗi quốc gia đều phải "mở cửa" thông qua việc cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Cuộc chiến giành giật thị trường giữa hàng nội và hàng ngoại trở nên quyết liệt hơn bao giờ hết.

DO sự phát triển của khoa học, công nghệ và tiến trình hội nhập, hình thái tổ chức thị trường và phương thức hoạt động thương mại cũng đã thay đổi. Thương mại điện tử đã ra đời và đang có những bước phát triển nhanh chóng. Ngày nay, khái niệm buôn bán không hiểu theo nghĩa đen thuần túy như trước, mà nó bao gồm một phạm vi rộng lớn hơn, bao trùm lên mọi hoạt động kinh tế của các quốc gia, với 4 nội dung cơ bản: hàng hóa - dịch vụ - đầu tư và các yếu tố thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ. Như vậy, có thể khái quát hình tượng của nền kinh tế thương mại trong thế kỷ XXI như sau: thị trường là toàn cầu, định chế quản lý là WTO và các định chế của các khối kinh tế khu vực, chủ thể kinh doanh chủ yếu là các công ty xuyên quốc gia.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đi đôi với việc tạo lập đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường, đặt thương mại và thị trường vào những "mắt khâu" hết sức quan trọng, trong đó nhập khẩu là yếu tố đầu vào của nền kinh tế cần được chú trọng.

Kim ngạch và quy mô nhập khẩu

Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 1991 - 2000 là 17,5%, giai đoạn 2001 - 2006 là 19%. Nếu năm 1995 kim ngạch là 8,155 tỉ USD, năm 2000 và 2004 con số đó tương ứng là 15,637 và 31,969 tỉ USD, thì năm 2005 và 2006 đã đạt tới con số 36,978 và 44,410 tỉ USD. Nhìn chung tăng trưởng nhập khẩu của nước ta không ổn định qua các thời kỳ. Bởi vì nó còn phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài của nước ta. Giai đoạn 1993 - 1996 tốc độ tăng trưởng nhập khẩu đạt con số kỷ lục, có năm đạt tới 54,4% (năm 1993), sau đó giảm sút do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á, phục hồi ở mức cao năm 2000 (33,2%), từ năm 2001 đến nay tương đối ổn định ở mức trên 20%.

Nhập siêu của nước ta gia tăng khá nhanh, năm 2000 là 1.153,8 triệu USD, năm 2003 là

* PGS, TS, Vụ trưởng Vụ Chính sách thị trường trong nước, Bộ Thương mại

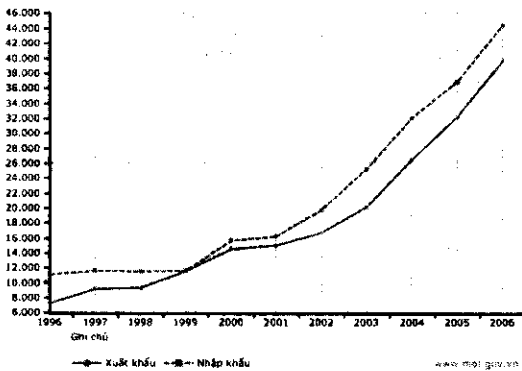
** Phó ban Thị trường, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại

5.106,5 triệu USD và năm 2004 là 5.483,8 triệu USD. Hai năm 2005 và 2006, con số đó tương ứng là 4.536,1 và 4.805,0 triệu USD. So với năm 2005, nhập khẩu năm 2006 tăng ở tất cả các thị trường. Mặc dù giá trị nhập siêu có tăng nhẹ so với dự báo từ đầu năm, nhưng tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu chỉ là 12,1%, thấp hơn so với 15,6% của năm 2005.

Giai đoạn 2001 - 2006, nước ta đẩy mạnh hội nhập và công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong ngắn hạn xuất khẩu chưa thể tăng kịp so với nhập khẩu. Tuy nhiên, một điều đáng lưu ý là trong quý I năm 2007, tốc độ tăng của nhập khẩu cao gần gấp đôi tốc độ tăng của xuất khẩu (33,6% so với 17,9%) và nhập siêu mới chỉ trong một quý đã lên đến 1.315 triệu USD.

Biểu đồ: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu theo năm

Đơn vị tính: Triệu USD



Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu

Xét theo cơ cấu nhóm hàng, cơ cấu nhập khẩu có sự biến động giữa hai nhóm hàng tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng. Nhập khẩu hàng tiêu dùng có xu hướng giảm nhanh. Trước năm 1995, tỷ trọng nhóm hàng nhập khẩu tiêu dùng dao động trong khoảng 13% - 15%. Từ năm 1996 đến nay, tỷ lệ này đã giảm xuống đáng kể và ổn định ở mức 7% - 8%. Xét trong cả giai đoạn từ 2000 - 2006, hàng tiêu dùng nhập khẩu chiếm tỷ trọng bình quân 7% - 11%. Điều này đã thể hiện đúng định hướng nhập khẩu của nước ta là giảm tỷ trọng hàng nhập khẩu phục vụ tiêu dùng, tăng tỷ trọng hàng nhập khẩu là máy móc thiết bị, nguyên vật liệu cho sản xuất, đồng thời cũng phản ánh xu hướng: nhập khẩu đã góp

phần phát triển sản xuất trong nước theo hướng thay thế nhập khẩu hàng tiêu dùng.

Tỷ trọng nhóm hàng nhập khẩu là tư liệu sản xuất từ năm 1996 đến nay tương đối ổn định, dao động từ 91 - 93%. Trong nhóm hàng tư liệu sản xuất, nhóm máy móc thiết bị, động cơ, phụ tùng và nguyên, nhiên vật liệu chiếm tỷ trọng tương đối ổn định, ít có thay đổi lớn. Tuy vậy, nguyên, nhiên vật liệu trong giai đoạn 2000 - 2006 vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng giá trị nhập khẩu (63,2% - 76,5%)

Bảng 1: Nhập khẩu phân theo nhóm hàng (%)

Nhóm hàng \ Năm	1990	1995	2000	2003	2004	2005	2006
A. Tư liệu sản xuất	85,1	84,8	93,8	93,6	93,1	89,6	91,3
Máy móc và thiết bị	27,3	25,7	30,6	32,4	30,4	14,3	14,8
Nguyên, nhiên, vật liệu	57,8	59,1	63,2	61,2	62,7	75,3	76,5
B. Vật phẩm tiêu dùng	14,9	15,2	6,2	6,4	6,9	10,4	8,7
Thực phẩm	2,5	3,5	1,9	2,3	2,4	-	-
Hàng y tế	1,5	0,9	2,2	1,6	1,9	1,4	1,2
Hàng tiêu dùng khác	10,9	10,8	2,1	2,5	2,6	8,9	7,5
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của nhóm nghiên cứu

Trị giá nhập khẩu tăng và xu hướng tăng tỷ trọng tư liệu sản xuất là kết quả tất yếu của tăng cường xuất khẩu. Tuy nhiên, tốc độ tăng cao của nhóm nguyên nhiên vật liệu cũng cho thấy sự phụ thuộc của hàng xuất khẩu vào nguyên liệu nhập khẩu còn khá lớn. Chẳng hạn, nguyên liệu nhập khẩu trong ngành may mặc chiếm đến 70%, da giày: 80%, ngành gỗ: 50%, ngành nhựa: 85%, ngành điện tử: 90%. Điều đó nói lên tính chất gia công còn cao, giá trị gia tăng trong tổng kim ngạch xuất khẩu còn thấp. Tỷ trọng nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu cũng có những thay đổi. Nếu so sánh số liệu 10 mặt hàng chủ yếu nhập khẩu bình quân giai đoạn 2001 - 2006 với giai đoạn 1996 - 2000 có thể thấy mức tiêu thụ các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu tăng khá. Xăng dầu, nguyên phụ liệu may mặc, da giày, phân bón và sắt thép vẫn là những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất. Bên cạnh đó, nhập khẩu các mặt hàng phân bón, xe máy có xu hướng chững lại, trong khi đó nhu cầu nhập khẩu ô tô những năm gần đây tăng khá nhanh.

So với các nước đang phát triển trong khu vực tỷ lệ nhập khẩu máy móc - thiết bị của họ thường chiếm 30% - 40% tổng kim ngạch nhập khẩu thì tỷ trọng nhập khẩu máy móc ở Việt Nam như vừa qua vẫn còn thấp. Điều này cho thấy việc *Diễn đàn Kinh tế thế giới* xếp nước ta vào hàng rất thấp về đổi mới công nghệ và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế là điều dễ hiểu.

Nguyên, nhiên, vật liệu nhập khẩu chiếm tỷ trọng cao, đồng thời tỷ trọng nhập khẩu máy móc thiết bị khá nhỏ bé và hầu như không được cải thiện trong khoảng thời gian dài (1996 - 2006) cho thấy xuất khẩu nước ta quá phụ thuộc vào nguyên liệu nước ngoài và công nghệ chậm được thay đổi và mở rộng. Điều này cho thấy sự phát triển yếu kém của ngành công nghiệp phụ trợ cũng như sản xuất thay thế nhập khẩu, sự yếu kém về khả năng cạnh tranh của nền kinh tế xét theo năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)⁽¹⁾. Do đó nếu không đổi mới công nghệ, việc nhập khẩu các sản phẩm trung gian sẽ không cải thiện được giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu. Điều này sẽ hạn chế việc cải thiện cân cán thương mại trong dài hạn.

Bảng 2: Nhập khẩu bình quân năm của 10 mặt hàng chủ yếu giai đoạn 1996 - 2000 và 2001 - 2006

Thứ tự	Mặt hàng	Bình quân năm (triệu USD)		Tỷ lệ so sánh (%)
		1996 - 2000	2001 - 2006	
1	Xăng dầu	1.234	4.831	391,6
2	Nguyên phụ liệu may, da giày	1.042	1.971	189,2
3	Sắt thép	586	4962	846,8
4	Vải may mặc	410	-	-
5	Ô tô	190	882	464,1
6	Chất dẻo	357	1081	302,8
7	Phân bón	491	3541	721,2
8	Xe máy	425	406	95,6
9	Tần dược	285	423	148,4
10	Tơ, sợi, sợi dệt	188	373	198,7

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Cơ cấu thị trường nhập khẩu

Đến hết năm 2006, thị trường nhập khẩu của Việt Nam đã được mở rộng tới 170 nước và vùng lãnh thổ. Châu Á là thị trường có kim ngạch nhập khẩu cao nhất, đạt trên 35,84 tỉ USD, tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 80,7% kim ngạch nhập khẩu của các thị trường. Trong đó, khu vực Đông - Nam Á đạt kim ngạch 10,85 tỉ USD, tăng 39,7% so với cùng kỳ năm 2005.

Châu Âu là thị trường có kim ngạch nhập khẩu đứng thứ hai với gần 5,44 tỉ USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 12,2% kim ngạch nhập khẩu của các thị trường. Trong đó, các nước EU (gồm 25 nước thành viên) đạt kim ngạch 3,72 tỉ USD so với cùng kỳ năm trước.

Châu Mỹ là thị trường có kim ngạch nhập khẩu đứng thứ 3, đạt gần 1,9 tỉ USD, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 4,2% kim ngạch nhập khẩu của các thị trường. Châu Đại Dương đạt kim ngạch 778 triệu USD, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm trước, chỉ chiếm 1,8% kim ngạch nhập khẩu của các thị trường.

Châu Phi - Tây Nam Á là thị trường có kim ngạch nhập khẩu thấp nhất trong các thị trường nhập khẩu của Việt Nam chỉ mới đạt 322 triệu USD, chiếm 0,7% kim ngạch nhập khẩu của các thị trường, nhưng lại là thị trường có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tăng 77,7% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy, khu vực châu Á (chủ yếu là ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan) là thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta trong thời gian qua do có những lợi thế về vị trí địa lý, giá cả. Đồng thời, đây cũng là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ cao. Khu vực này cung cấp chủ yếu nguyên liệu, phụ liệu, máy móc phụ tùng và hàng tiêu dùng.

(1) Nghiên cứu của Robert Z. Lawrence và David E. Weinstein (2002) về trường hợp của Hàn Quốc cho thấy khi nhập khẩu cạnh tranh xuất hiện trong một ngành đang lạc hậu về công nghệ thì sẽ có rất ít ảnh hưởng đến tăng năng suất. Xem: Ngân hàng thế giới, *Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 503

Quy mô và tốc độ tăng của từng khu vực thị trường có thể thấy qua bảng sau:

Bảng 3: Tỷ trọng một số thị trường nhập khẩu chủ yếu, giai đoạn 1996 – 2006 (%)

Thị trường	Năm				
	1996 - 2000	2001	2004	2005	2006
Châu Á	74,2	79,7	74,2	80,7	80,7
Châu Âu	17,2	13,5	16,4	12,3	12,3
Châu Phi	0,5	0,2	0,85	0,7	0,7
Châu Mỹ	4,3	4,1	6,9	4,3	4,3
Châu Đại Dương	3,8	2,5	1,65	1,8	1,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Thương mại

Bảng 4: Cân đối xuất nhập khẩu của Việt Nam

Đơn vị: triệu USD

Thị trường	2005			2006		
	Kim ngạch nhập khẩu	Kim ngạch xuất khẩu	Chênh lệch xuất khẩu, nhập khẩu	Kim ngạch nhập khẩu	Kim ngạch xuất khẩu	Chênh lệch xuất khẩu, nhập khẩu
Châu Á	29.844	18.857	-10.987	35.843	20.840	-15.003
Châu Âu	4.528	5.834	1.306	5.438	7.650	2.212
Châu Phi	268	886	618	322	1.915	1.593
Châu Mỹ	1.569	6.866	5.297	1.885	9.200	7.315

Nguồn: Bộ Thương mại và tính toán của nhóm nghiên cứu

Như vậy, cơ cấu thị trường nhập khẩu bắt đầu có sự chuyển đổi: ngoài các thị trường truyền thống vẫn còn thấp cả về quy mô và tốc độ, nhưng đã bắt đầu có sự gia tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng từ những thị trường có trình độ công nghệ cao như EU, Mỹ, Nhật Bản, Ca-na-da...

Có thể thấy rằng, cơ cấu thị trường nhập khẩu của nước ta từ năm 1996 đến nay không có thay đổi lớn và dự báo sẽ ít có sự thay đổi trong những năm tới. Vì vậy, để hạn chế nhập siêu cần có những biện pháp tích cực, trước hết là đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường này đồng thời phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ để hạn chế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.

Nhập khẩu theo thành phần kinh tế

Nhập khẩu đã có sự thay đổi đáng kể theo thành phần kinh tế từ năm 1995 đến nay. Trước năm 1995, nhập khẩu chủ yếu phục vụ cho các

ngành kinh tế trong nước. Kể từ năm 1995, nhập khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh với tốc độ bình quân 34,7%/năm và đến nay đạt khoảng 35%. Một điều đáng lưu ý là khu vực FDI, nhập khẩu chỉ bằng 50% khu vực vốn đầu tư trong nước nhưng chiếm tới 55% giá trị xuất khẩu. Và từ năm 1995 đến nay khu vực này toàn xuất siêu với mức độ ngày càng tăng. Năm 2006 xuất siêu tới 5,55 tỉ USD, trong khi đó khu vực trong nước nhập siêu tới 10,3 tỉ USD. Điều này cho thấy, chủ trương thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành sản xuất phục vụ xuất khẩu đã phát huy hiệu quả, đồng thời thể hiện khả năng cạnh tranh xuất khẩu của nó hơn hẳn so với khu vực trong nước do có lợi thế về công nghệ, định hướng mặt hàng và thị trường.

Bảng 5: Cơ cấu nhập khẩu phân theo thành phần kinh tế, 1995 – 2006

Năm	1995	2000	2003	2004	2005	2006
Tổng kim ngạch (tr. USD)	8.155	15.63	25.22	31.96	36.97	44.410
Tốc độ tăng trưởng (%)	34,4	33,2	27,8	26,7	15,7	20,1
DN 100% vốn trong nước (tr. USD)	6.687	11.28	16.41	20.55	23.40	28.050
- Tỷ trọng	80,2	72,2	65,1	65,2	63	63,2
- Tăng trưởng (%)	27,9	34,9	25,8	25,2	13,8	19,9
Cân đối XNK (tr. USD)	-2.711	-3.612	-6.397	-8.812	-9.511	-11.310
DN có vốn ĐTNN (tr. USD)	1.468	4.352	8.815	10.96	13.60	16.360
- Tỷ trọng	18,0	27,8	34,9	34,8	37	36,8
- Tăng trưởng (%)	144,3	28,7	31,5	24,4	24,1	20,3
Cân đối XNK (tr. USD)	5,0	1.813	1.346	3.299	4.953	6.505

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của nhóm nghiên cứu

Tuy kim ngạch xuất khẩu gia tăng nhưng hàng hóa thuộc loại hình gia công còn lớn, hàm lượng nguyên liệu phải nhập khẩu cao. Vì vậy, kiểm chế và hạ thấp tỷ lệ nhập siêu tuy là những mục tiêu phân đầu, nhưng trong những năm trước mắt là chưa phù hợp.

Từ phân tích thực trạng và cơ cấu xuất khẩu trong thời gian qua có thể rút ra một số kết luận sau đây:

- Tỷ trọng nguyên, nhiên vật liệu trong các mặt hàng nhập khẩu còn cao, máy móc thiết bị còn thấp như hiện nay cho thấy mức độ đổi mới

công nghệ nước ta rất chậm. Xét về dài hạn, yếu kém về công nghệ sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa thay thế nhập khẩu. Do đó, trong tương lai sẽ khó có thể tạo ra được những bước đột phá để cải thiện cán cân thương mại.

- Tính gia công của sản xuất, tính đại lý của thương mại ở nước ta còn rất lớn. Tỷ trọng nguyên liệu nhập siêu cao cho thấy ngành công nghiệp phụ trợ nước ta đang còn kém phát triển, công nghệ chế biến tăng trưởng chậm, các ngành sản xuất phụ thuộc quá nhiều vào nguyên liệu đầu vào nhập khẩu. Điều này cũng sẽ cản trở việc cải thiện cán cân thương mại vì không thể giảm nhập khẩu nguyên liệu.

- Tỷ trọng nguyên liệu, phụ liệu nhập khẩu phục vụ cho xuất khẩu cao thể hiện giá trị gia tăng thấp của nhiều mặt hàng xuất khẩu như dệt may, da giày, đồ gỗ, điện tử. Nhập khẩu chưa kích thích xuất khẩu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao giá trị gia tăng. Hạn chế này cũng sẽ gây khó khăn cho việc cải thiện cán cân thương mại.

- Với tỷ trọng nhập khẩu cao từ các thị trường châu Á (nhập siêu chủ yếu với các thị trường này), những nước có trình độ công nghệ trung bình và xuất siêu đối với các thị trường có công nghệ nguồn, cho thấy Việt Nam đang đi theo lý thuyết "đàn sếu bay" một cách *tuần tự*, nhưng tốc độ lại *chậm* hơn nhiều so với các nước công nghiệp mới (NICs). Điều này sẽ gây khó khăn cho việc phát triển theo kiểu rút ngắn, đi tắt đón đầu, xác định vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Trong bối cảnh đó, nguy cơ tụt hậu sẽ rất lớn, vì nguồn tài nguyên đang có xu hướng cạn kiệt. Nếu phát triển xuất khẩu theo hướng sử dụng ngày càng nhiều tài nguyên như hiện nay thì việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng hơn nữa là điều khó khăn, lợi thế trong hội nhập sẽ giảm đáng kể.

- Muốn hạn chế nhập siêu, lành mạnh hóa cán cân thương mại đang trong tình trạng thâm hụt, về nguyên tắc có thể hạn chế nhập khẩu. Tuy nhiên, trong bối cảnh nước ta lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, đang đẩy mạnh hội nhập, nói lỏng rào cản để thực hiện tự do hóa thương mại thì nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên, nhiên, vật liệu có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, mục tiêu

hạn chế nhập khẩu để giảm mức độ nhập siêu ngay trong ngắn hạn là khó đạt được.

Nhìn chung, những vấn đề nêu trên là kết quả tất yếu đối với các nước mới công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, nếu phân tích tính chất tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu trong những năm gần đây, sẽ thấy tình trạng thâm hụt cán cân thương mại chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô. Những biểu hiện đó là: *Hiệu quả sử dụng vốn thấp, đầu tư vào những ngành cần nhiều vốn và mức sinh lời thấp, thay thế nhập khẩu, sử dụng ít lao động và kích thích tiêu dùng trong nước hơn là xuất khẩu. Khả năng của những ngành xuất khẩu có giá trị gia tăng cao còn hạn chế, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu sang công nghiệp chế biến và kỹ thuật cao thể hiện xu thế của công nghiệp hóa và hội nhập sâu chưa thật rõ nét. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp và chậm được cải thiện. Quá trình xây dựng các thể chế của kinh tế thị trường diễn ra chậm.*

Kiểm soát và hạn chế nhập khẩu có ý nghĩa quan trọng để cải thiện cán cân thương mại. Tuy nhiên, nếu thực thi một cách quyết liệt sẽ tác động rất lớn đến quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc hoàn thiện và đổi mới chính sách nhập khẩu để khuyến khích nhập khẩu cạnh tranh nhằm đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp phụ trợ, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu và hàng sản xuất thay thế nhập khẩu có thể xem là hướng đi hợp quy luật trong bối cảnh hiện nay. Thiết nghĩ, trước mắt cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, mở rộng và đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, hạn chế sự phụ thuộc quá mức vào một số thị trường. Hết sức chú trọng các thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản là những thị trường có công nghệ cao, công nghệ nguồn.

Hai là, có chính sách cởi mở để khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cũng có tác dụng từng bước giảm nhập khẩu.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật. Mở rộng hợp tác khu vực để hài hòa hóa tiêu chuẩn. Tăng cường kiểm tra tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng nhập khẩu nhằm hạn chế và tiến tới loại bỏ việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu. □